

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08-5-2020

V/v tranh chấp: “Ly hôn giữa bà Th
và ông Kh”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thụy Đăng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Hồng Hạnh

2. Ông Lê Hoàng Long

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Tường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa:
ông Phạm Hoài Hận - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “ly hôn, nuôi dưỡng con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXX-ST ngày 06 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Lương Thị Thu Th**, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Thới Bình B, xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: ông **Lê Văn Kh**, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Thới Bình B, xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ bà **Lương Thị T**, sinh năm 1982 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: KV 2, phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, TP Cần Thơ.

2/ ông **Lương Nhật M**, sinh năm 1973 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Định Phước, xã Định Môn, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn bà Lương Thị Thu Th trình bày: trước đây do được mai mối nên vào năm 1997, bà và ông Lê Văn Kh đã tự nguyện xây dựng hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Thạnh, huyện Ô Môn, tỉnh Cần Thơ (cũ) vào ngày 31/01/2000. Bà và ông Kh chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay. Nguyên nhân là do ông Kh hay ghen tuông vô cớ và thường xuyên có hành vi đánh đập bà. Nay bà xác định hôn nhân không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Kh.

Về con chung: Bà và ông Kh có 02 con chung là Lê Phương Vĩ Kh, nam, sinh ngày 22/01/2000 (đã trưởng thành) và cháu Lê Mạnh C, nam, sinh ngày 22/5/2008. Nay ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu C đến trưởng thành và yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 800.000đồng.

Về tài sản chung: bà yêu cầu chia các tài sản chung là: thửa đất số 1663, diện tích 1.800m² đất tọa lạc tại ấp Định Hòa, xã Định Môn, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ; thửa đất số 183, diện tích 1.095m²; chia giá trị căn nhà cấp 4 tọa lạc tại ấp Thới Bình B, xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai; chia giá trị chiếc xe biển số 65H1-30681. Ngày 05/02/2020, bà Th có đơn không yêu cầu phân chia tài sản chung.

Về nợ chung: nợ bà Lương Thị Th 05 chỉ vàng 24k và 7.000.000đồng; nợ ông Lương Nhật M 5.000.000đồng. Nay bà yêu cầu nợ chung để bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Lê Văn Kh trình bày: ông thống nhất lời trình bày của bà Th về thời gian kết hôn, quá trình xây dựng hôn nhân và có đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn như bà Th trình bày là không đúng sự thật, nguyên nhân là do bà Th không chung thủy, có người đàn ông khác chứ ông không ghen tuông vô cớ như bà Th trình bày, ông thừa nhận có đánh bà Th nhưng do bà Th có lỗi. Nay bà Th yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý.

Về con chung: ông và bà Th có 02 con chung là Lê Phương Vĩ Kh, nam, sinh ngày 22/01/2000 (đã trưởng thành) và Lê Mạnh C, nam, sinh ngày 22/5/2008. Ông cũng có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu C đến trưởng thành và yêu cầu bà Th cấp dưỡng cho cháu C mỗi tháng 800.000đồng.

Về tài sản chung: đối với các thửa đất đất số 183, diện tích 1.095m² và thửa 1663, diện tích 1.800m² ông yêu cầu chia làm 03 phần cho ông, bà Th và

Lê Khương Vĩ Kh. Còn căn nhà cấp 4 tọa lạc tại ấp Thới Bình B, xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai và chiếc xe biển số 65H1-30681 ông không đồng ý chia cho bà Th.

Về nợ chung: nợ bà Lương Thị Th 05 chỉ vàng 24k và 7.000.000đồng; nợ ông Lương Nhật M 5.000.000đồng. Về nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay: bà Th vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày về yêu cầu ly hôn, nuôi dưỡng con chung và nợ chung. Đối với việc trước đây bà có yêu cầu chia tài sản chung nay bà Th xác định bà rút yêu cầu chia tài sản chung, sau này bà và ông Kh tự giải quyết về phần tài sản. Bị đơn ông Kh vắng mặt không rõ lý do nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, Tòa án còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Ý kiến về giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Lương Thị Thu Th yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Lê Văn Kh, có yêu cầu về nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung. Tòa án xác định đây là tranh chấp ly hôn, nuôi dưỡng con chung và chia tài sản khi ly hôn là đúng quy định pháp luật. Nhận thấy giữa nguyên đơn và bị đơn có tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định, có phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: cháu Lê Mạnh C (nam), sinh ngày 22/5/2008 đã trên 7 tuổi có nguyện vọng được sống với nguyên đơn nên đề nghị giao cháu C cho bà Th tiếp tục nuôi dưỡng. Cần buộc ông Kh cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Th đã rút lại yêu cầu chia tài sản chung, bị đơn ông Kh không có yêu cầu phản tố nên đề nghị Tòa án đình chỉ yêu cầu chia tài sản. Nợ chung: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: ông Lương Nhật M và bà Lương Thị Th có yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Lê Văn Kh đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân của bà Lương Thị Thu Th và ông Lê Văn Kh: Hai người tự nguyện sống chung vào năm 1999, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[3] Về yêu cầu ly hôn của bà Th đối với ông Kh: Theo lời khai của bà Th về nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Kh hay ghen tuông vô cớ và thường xuyên có hành vi đánh đập bà. Còn ông Kh thì cho rằng bà Th không chung thủy, có người đàn ông khác chứ ông không ghen tuông vô cớ, ông thừa nhận có đánh bà Th nhưng do bà Th có lỗi. Cả bà Th và ông Kh khai không thống nhất về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng nhưng xác nhận cả hai đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay và bà Th không mong muốn đoàn tụ với ông Kh. Dù ông Kh không đồng ý ly hôn nhưng xét thấy giữa bà Th và ông Kh thời gian ly thân đã lâu lại không hàn gắn được hôn nhân của mình, tình cảm vợ chồng không còn, cả hai không còn quan tâm, thương yêu lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà Th được ly hôn với ông Kh.

[4] Về con chung: Theo bà Th và ông Kh khai thì hai người có 02 con chung là Lê Phương Vĩ Kh, nam, sinh ngày 22/01/2000 (đã trưởng thành) và Lê Mạnh C, nam, sinh ngày 22/5/2008. Do con chung của ông Kh và bà Th là Lê Phương Vĩ Kh đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết. Đối với cháu Lê Mạnh C, nam, sinh ngày 22/5/2008 cả bà Th và ông Kh đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng. Tuy nhiên do cháu C đã trên 7 tuổi, cháu có nguyện vọng được sống chung với bà Th nên xét theo nguyện vọng của cháu C, giao cháu C cho bà Th nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông Kh không trực tiếp nuôi con nên theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình ông Kh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Bà Th yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi cháu C là 800.000đồng/ tháng, mức cấp dưỡng này là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Sau này các bên có tranh chấp thì giải quyết thành vụ án khác theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, bà Th xin rút yêu cầu chia tài sản chung nên đình chỉ.

[6] Về nợ chung: ông Lương Nhật M và bà Lương Thị Th không có yêu cầu độc lập về số nợ mà bà Th và ông Kh đang nợ nên Tòa án không xem xét, giải quyết, sau này có tranh chấp thì sẽ khởi kiện thành vụ án khác theo quy định pháp luật.

[7] Về án phí: các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Lương Thị Thu Th và ông Lê Văn Kh.

2. Về nuôi con chung: giao cháu Lê Mạnh C, nam, sinh ngày 22/5/2008 cho bà Lương Thị Thu Th nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Ông Lê Văn Kh phải cấp dưỡng nuôi cháu Lê Mạnh C, nam, sinh ngày 22/5/2008 mỗi tháng 800.000đồng (tám trăm nghìn đồng) đến khi cháu C tròn 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Lê Văn Kh không ai được cản trở ông Kh thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Lương Thị Thu Th.

4. Về nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà Lương Thị Thu Th phải nộp 300.000đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 003317 ngày 02/7/2019 thành án phí. Bà Lương Thị Thu Th được nhận lại 10.494.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 015274 ngày 30/9/2019 và biên lai số 003317 ngày 02/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai.

Ông Lê Văn Kh phải nộp 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Về lệ phí, đo đạc, thẩm định: bà Lương Thị Thu Th phải nộp 500.000đồng (bà Th đã nộp xong số tiền này).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPCT;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thụy Đăng Phụng